BẢN SAO

UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CÔNG TY THHH NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN
ĐẦU TƯ VÀ DU LỊCH HUẾ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Đã kiểm toán

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Địa chỉ: 45 Lê Lợi, Thành Phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế
Điện thoại: 054. 3825716

TP Huế, tháng 2 năm 2016

Báo cáo của Ban Giám đốc
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán

CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ VÀ DU LỊCH HUẾ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MỤC LỤC

		Trang
1.	**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**	01 - 02
2.	**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**	03
3.	**CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**	
	- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015	04 - 07
	- Báo cáo kết quả hoạt hoạt động kinh doanh năm 2015	08
	- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2015	09
	- Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015	10 - 17

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty THHH Nhà Nước Một Thành Viên Đầu Tư và Du Lịch Huế (sau đây được gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và Công ty TNHH Khách sạn bờ sông Thanh Lịch cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

1. Thành lập

Công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên trở lên do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp với mã số doanh nghiệp 3300260036, đăng ký lần đầu ngày 20/8/2010.

Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Trụ sở công ty đặt tại: 45 Lê Lợi, thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Hoạt động kinh doanh chính

- Bán hàng lưu niệm.
- Vận chuyển khách du lịch, hành khách theo hợp đồng.
- Dịch Vụ du lịch ngắn ngày (khách sạn).
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống.
- Dịch vụ lữ hành quốc tế và nội địa.
- Dịch vụ vui chơi giải trí (không bao gồm hoạt động Karaoke, vũ trường).

3. Ban giám đốc trong năm và cho đến ngày lập báo cáo

Đinh Mạnh Thắng	Tổng giám Đốc
Lê Thị Thu Nguyệt	Kế toán trưởng

4. Đánh giá hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 được tóm tắt như sau:

Đơn vị tính: VND

- Doanh thu	**53.284.312.551**
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	**54.300.102**

5. Công ty Kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K đã được chỉ định kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với các báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày. Để lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong báo cáo tài chính; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh hợp lý chính xác tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tuân thủ Chế độ Kế toán Việt Nam, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các thông tư hướng dẫn thực hiện có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

6. Ý kiến của Ban Giám đốc:

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, các báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh trong cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Huế, Ngày 10 tháng 03 năm 2016
Thay mặt Ban Giám đốc
Tổng giám đốc

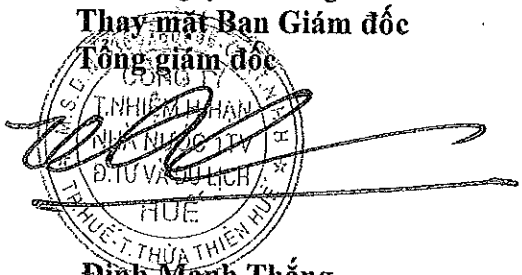

Đinh Mạnh Thắng

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K
ĐC: 42 Trần Tống, P. Thạc Gián, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng. ĐT: 0511 365 1818. Fax: 365 1868
Email: kiemtoantdkdanang@gmail.com, www.kiemtoandanang.com.vn
VPĐD (thuộc CN Đà Nẵng): 44 Trương Chiw Cương, Tam Kỳ, Quảng Nam. ĐT: 0510 2243.888
243 Quang Trung, Đồng Hới, Quảng Bình. ĐT: 052 3855 988
VPCT: 2A tầng 1, sàn KT-TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT CAHN, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Số: /TLTDK-TC

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty TNHH Nhà Nước MTV Đầu Tư và Du Lịch Huế và Công ty TNHH Khách sạn bờ sông Thanh Lịch (Century)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Kính gởi: Ban Giám đốc Công ty TNHH Nhà Nước MTV Đầu Tư và Du Lịch Huế.

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty TNHH Nhà Nước MTV Đầu tư và Du Lịch Huế (sau đây gọi tắt là công ty) và Công ty TNHH Khách sạn bờ sông Thanh Lịch (Sau đây gọi tắt là Century) gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 được lập Ngày 10/03/2016, từ trang 4 đến trang 17 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận), các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Nhà Nước Một Thành Viên Đầu Tư và Du Lịch Huế tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến mục thuyết minh số VII.10 về khoản lỗ chuyển nhượng vốn chưa được phân bổ vào lãi lỗ từ năm 2011 đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Kiểm toán viên	**Giám đốc**
Phạm Thị Minh Hà	**Đào Ngọc Hoàng**
Giấy Chứng nhận hành nghề Kiểm toán	*Giấy Chứng nhận hành nghề Kiểm toán*
Số: 2278 – 2014 – 045 – 1	*Số: 0106 – 2014 – 045 - 1*
Bộ Tài chính cấp ngày 22/08/2014	*Bộ Tài chính cấp ngày 22/08/2014*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01 – DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**15.082.494.917**	**14.105.269.672**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	(1)	**1.356.895.376**	**1.535.088.930**
1. Tiền	111		1.356.895.376	1.535.088.930
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**			
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**9.085.720.791**	**9.070.981.504**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(2)	4.064.908.403	4.023.041.426
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	(3)	84.616.000	108.676.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	(4)	4.936.196.388	4.939.264.078
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137			
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
III. Hàng tồn kho	**140**		**680.489.182**	**584.874.003**
1. Hàng tồn kho	141	(5)	680.489.182	584.874.003
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**3.959.389.568**	**2.914.325.235**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.935.588.830	2.914.325.235
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	(6)	23.800.738	
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**97.805.831.315**	**95.488.956.985**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216			
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II Tài sản cố định	**220**		**67.257.082.098**	**56.777.833.528**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(7)	67.245.434.437	56.730.743.490
Nguyên giá	222		*108.680.459.930*	*96.112.668.570*
Giá trị hao mòn lũy kế	223		*(41.435.025.493)*	*(39.381.925.080)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	(8)	11.647.661	47.090.038
Nguyên giá	228		*421.000.000*	*421.000.000*
Giá trị hao mòn lũy kế	229		*(409.352.339)*	*(373.909.962)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**			
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**			
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**255.000.000**	**9.255.000.000**
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	(9)	255.000.000	9.255.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**30.293.749.217**	**29.456.123.457**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(10)	30.293.749.217	29.456.123.457
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268			
5. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**112.888.326.232**	**109.594.226.657**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**99.556.861.815**	**94.576.374.473**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**85.231.861.815**	**83.655.247.519**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	(11)	3.205.422.633	4.229.010.905
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	(12)	639.635.264	563.323.114
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(13)	14.681.408.579	12.734.432.507
4. Phải trả người lao động	314		251.341.847	1.284.423.603
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315			
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	(14)	57.647.799.952	60.896.535.797
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	(15)	7.668.996.000	3.174.054.553
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		1.137.257.540	773.467.040
II. Nợ dài hạn	**330**		**14.325.000.000**	**10.921.126.954**
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	(16)	14.325.000.000	10.921.126.954

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
B.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**13.331.464.417**	**15.017.852.184**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**(17)**	**13.331.464.417**	**15.017.852.184**
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411		43.651.026.102	43.651.026.102
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412			
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4.	Vốn khác chủ sở hữu	414			
5.	Cổ phiếu quỹ	415			
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		1.943.312.000	464.625.000
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		2.633.045.572	219.125.551
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(34.895.919.257)	(29.316.924.469)
	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		(29.316.924.469)	
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	*421b*		(5.578.994.788)	(29.316.924.469)
12.	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
13.	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429			
II.	**Nguồn kinh phí, quỹ khác**	**430**			
1.	Nguồn kinh phí	432			
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433			
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**112.888.326.232**	**109.594.226.657**

Huế, ngày 10 tháng 03 năm 2016

Kế toán trưởng	Kiểm soát viên	Tổng giám đốc
Lê Thị Thu Nguyệt	Đinh Ngọc Văn	Đinh Mạnh Thắng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu B 02 – DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 Công ty TNHH NN MTV Đầu tư và Du lịch Huế	Năm 2015 Công ty TNHH Khách sạn Bờ sông Thanh lịch	Năm 2015 Số liệu tổng hợp
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	01	(18)	**27.359.281.755**	**25.925.030.796**	**53.284.312.551**
2.	Các khoản giảm trừ	02		674.919.320	65.763.107	740.682.427
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	10		**26.684.362.435**	**25.859.267.689**	**52.543.630.124**
4.	Giá vốn hàng bán	11	(19)	21.918.380.820	22.959.032.423	44.877.413.243
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	20		**4.765.981.615**	**2.900.235.266**	**7.666.216.881**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	(20)	102.640.476	11.966.644	114.607.120
7.	Chi phí tài chính	22	(21)	458.066.386	1.268.236.928	1.726.303.314
8.	Chi phí bán hàng	25			3.285.588.296	3.285.588.296
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		2.037.572.304	4.035.708.224	6.073.280.528
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	30		**2.372.983.401**	**(5.677.331.538)**	**(3.304.348.137)**
11.	Thu nhập khác	31	(22)	3.268.252.409	167.453.758	3.435.706.167
12.	Chi phí khác	32		7.940.920	69.117.008	77.057.928
13.	**Lợi nhuận khác**	40		**3.260.311.489**	**98.336.750**	**3.358.648.239**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	50		**5.633.294.890**	**(5.578.994.788)**	**54.300.102**
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		520.698.396		520.698.396
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				
17.	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**	60		**5.112.596.494**	**(5.578.994.788)**	**(466.398.294)**

Huế, ngày 10 tháng 03 năm 2016

Kế toán trưởng	Kiểm soát viên	Tổng giám đốc
Lê Thị Thu Nguyệt	Đinh Ngọc Văn	Đinh Mạnh Thắng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu B 03 – DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015
I.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**			
1.	**Lợi nhuận trước thuế**	**01**		**54.300.102**
2.	***Điều chỉnh cho các khoản***			-
	- Khấu hao tài sản cố định	02		2.088.542.790
	- Các khoản dự phòng	03		-
	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		- (3.382.859.529)
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		458.066.386
	- Chi phí lãi vay	06		-
	- Các khoản điều chỉnh khác	07		(781.950.251)
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	**08**		**(6.494.847.784)**
	- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(95.615.179)
	- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3.794.877.438)
	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.752.231.662)
	- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-
	- Tiền lãi vay đã trả	13		(446.099.742)
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(680.498.109)
	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-
	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(183.639.473)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(14.229.759.638)**
II.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**			-
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(12.567.791.360)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		3.268.252.409
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		8.893.342.307
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		102.640.476
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(303.556.168)**
III	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**			-
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		6.456.307.759
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		11.484.150.627
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.585.336.134)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**14.355.122.252**
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**		**(178.193.554)**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**1.535.088.930**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**		**1.356.895.376**

Huế, ngày 10 tháng 03 năm 2016

Kế toán trưởng	Kiểm soát viên	Tổng giám đốc
Lê Thị Thu Nguyệt	Đinh Ngọc Văn	Đinh Mạnh Thắng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. Đặc điểm hoạt động

Công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên trở lên do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên-Huế cấp với mã số doanh nghiệp 3300260036, đăng ký lần đầu ngày 20/8/2010.

Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Trụ sở công ty đặt tại: 45 Lê Lợi, thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế.

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

2. Ngành nghề kinh doanh:

- Bán hàng lưu niệm
- Vận chuyển khách du lịch, hành khách theo hợp đồng
- Dịch Vụ du lịch ngắn ngày (khách sạn)
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống
- Dịch vụ lữ hành quốc tế và nội địa.
- Dịch vụ vui chơi giải trí (không bao gồm hoạt động Karaoke, vũ trường)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có Công ty con sau:

Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu	Địa chỉ trụ sở	HĐKD chính
Công ty TNHH MTV Khách sạn Bờ sông Thanh Lịch	100% vốn	49 Lê Lợi, TP.Huế	Dịch vụ du lịch và thương mại

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (đồng).

III. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ tài chính.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

IV. Tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Trong năm nay, Công ty áp dụng chuẩn mực kế toán Việt Nam ("VAS") sau:

- VAS 01: Chuẩn mực chung;
- VAS 02: Hàng tồn kho;
- VAS 03: Tài sản cố định hữu hình;
- VAS 14: Doanh thu và thu nhập khác;
- VAS 21: Trình bày báo cáo tài chính;

V. Cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty kiểm soát được các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ công ty này.

Báo cáo tài chính của công ty con được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi tổng hợp Báo cáo tài chính.

VI. Các chính sách kế toán áp dụng

VI.1 Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2016 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính riêng năm nay tại Thuyết minh.

VI.2 Thông tư 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày BCTC hợp nhất

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư 202/2014/TT-BTC hướng dẫn hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất thay thế phần XIII – Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 và có hiệu lực áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu sau đây được Công ty sử dùng để lập BCTC:

V.1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ là do đánh giá lại số dư cuối kỳ được phản ảnh vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

V.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện. Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo theo phương pháp kê khai thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 (sửa đổi và bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC) của Bộ Tài chính.

V.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo được ghi nhận theo giá gốc, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới một năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập khi có những bằng chứng xác định là các khoản nợ phải thu không chắc chắn thu được. Các khoản dự phòng được trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 (sửa đổi và bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC) của Bộ Tài chính.

V.4. Ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và khấu hao lũy kế.

- Nguyên giá Tài sản cố định được phản ánh theo giá thực tế.
- Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian sử dụng tài sản khấu hao phù hợp với thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

V.5. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại, phải trả nội bộ, khoản vay và phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới một năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên một năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

V.6. Ghi nhận các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo thời gian sử dụng.

V.7. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính

Thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định khi dịch vụ cung cấp đã hoàn thành và được khách hàng nghiệm thu, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi doanh thu xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế.

V.8. Chính sách thuế và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang thực hiện

- Thuế Giá trị gia tăng: VAT đầu ra là 10%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015	01/01/2015
Tiền mặt bằng tiền Việt Nam	205.438.071	285.439.761
Tiền mặt bằng tiền bằng ngoại tệ quy VNĐ		195.580
Tiền gửi ngân hàng bằng tiền Việt Nam	1.116.671.198	1.225.715.626
Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ quy VNĐ	34.786.107	13.746.434
Tiền đang chuyển bằng ngoại tệ quy VNĐ		9.991.529
	1.356.895.376	**1.535.088.930**

02. Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2015	01/01/2015
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4.067.908.403	4.023.041.426
	4.067.908.403	**4.023.041.426**
(i) bao gồm:		
Cơ sở hàng hóa Thái Dương	*585.450.000*	
Công ty TNHH DL XD Quốc tế Sao Bắc	*302.710.618*	
Nguyễn Thị Bích Hồng	*350.000.000*	
Công ty Du Lịch Thuận Hoá	*287.403.069*	
Văn phòng Tổng Cục thi hành án dân sự	*110.100.000*	
Công ty bảo hiểm DAIICHI Việt Nam	*112.547.500*	
Trần Thị Thanh Tuyền	*145.250.000*	
Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	*2.174.447.216*	
	4.067.908.403	

03. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2015		01/01/2015
Trả trước cho người bán ngắn hạn	84.616.000	*(i)*	108.676.000
	84.616.000		**108.676.000**
(i) bao gồm:			
Văn Phòng Luật Sư Huế	*21.000.000*		
Toà án Nhân dân Thành phố Huế	*20.866.000*		
Công ty Cổ Phần chứng khoán Đông nam á	*39.250.000*		
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	*3.500.000*		
	84.616.000		

04. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2015		01/01/2015
Phải thu ngắn hạn khác	4.936.196.388	*(i)*	4.939.264.078
	4.936.196.388		**4.939.264.078**
(i) bao gồm:			
Tạm ứng	*60.690.705*		*79.486.805*
Lợi nhuận được chia từ 1994 đến 1999	*3.766.878.602*		*3.766.878.602*
Lăng Cô tạm ứng	*500.000.000*		*500.000.000*
cán bộ công nhân viên	*796.500*		*2.298.800*
Bảo hiểm xã hội	*144.430.539*		*85.524.606*
Phải thu khác	*463.400.042*		*505.075.265*
	4.936.196.388		**4.939.264.078**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

05. Hàng tồn kho

	31/12/2015	01/01/2015
Nguyên vật liệu	338.772.734	248.537.502
Công cụ, dụng cụ	2.650.000	
Giá mua hàng hóa	339.066.448	336.336.501
	680.489.182	**584.874.003**

06. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2015	01/01/2015
Thuế GTGT được khấu trừ	-	-
Thuế GTGT được hoàn	23.800.738	
	23.800.738	-

07. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá					-
Số dư đầu năm	81.418.709.293	11.040.902.914	3.552.796.364	100.259.999	96.112.668.570
Mua trong năm	1.250.630.103	736.952.020	11.808.745.453		13.796.327.576
Đầu tư XDCB hoàn thành	379.230.909	62.313.636			441.544.545
Thanh lý, nhượng bán	(441.945.038)	(1.138.078.845)			(1.580.023.883)
Giảm khác	(59.456.000)	(30.600.878)			(90.056.878)
Số dư cuối năm	**82.547.169.267**	**10.671.488.847**	**15.361.541.817**	**100.259.999**	**108.680.459.930**
Giá trị hao mòn lũy kế					-
Số dư đầu năm	28.998.374.782	9.832.547.825	524.163.794	26.838.679	39.381.925.080
Khấu hao trong năm	2.397.675.070	537.557.354	742.117.569	12.156.550	3.689.506.543
Tăng khác	-	1.783.445.289			1.783.445.289
Thanh lý, nhượng bán	(555.371.345)	(1.045.600.245)			(1.600.971.590)
Giảm khác	(1.783.445.289)	(35.434.540)			(1.818.879.829)
Số dư cuối năm	**29.057.233.218**	**11.072.515.683**	**1.266.281.363**	**38.995.229**	**41.435.025.493**
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	**52.420.334.511**	**1.208.355.089**	**3.028.632.570**	**73.421.320**	**56.730.743.490**
Tại ngày cuối năm	**53.489.936.049**	**(401.026.836)**	**14.095.260.454**	**61.264.770**	**67.245.434.437**

08. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Phần mềm	Cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	-	-	**421.000.000**	**421.000.000**
Mua trong năm	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	**421.000.000**	**421.000.000**
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	-	**373.909.962**	**373.909.962**
Khấu hao trong năm	-	-	35.442.377	35.442.377
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	**409.352.339**	**409.352.339**
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	-	-	**47.090.038**	**47.090.038**
Tại ngày cuối năm	-	-	**11.647.661**	**11.647.661**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

09. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Vốn liên doanh (Công viên nước)	255.000.000	255.000.000
Vốn liên doanh Mondial		9.000.000.000
	255.000.000	**9.255.000.000**

10. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2015		01/01/2015
Chi phí đầu tư nâng cấp, sửa chữa TSCĐ	1.146.565.902		1.266.565.898
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	8.599.777.601		7.629.253.985
Chi phí chờ phân bổ khác	24.125.210		37.023.070
Chênh lệch giá (lỗ chuyển nhượng vốn) chưa phân bổ	20.523.280.504	*(i*)*	20.523.280.504
	30.293.749.217		**29.456.123.457**

(i) là khoản lỗ chênh lệch giá mua khi Công ty TNHH Nhà nước MTV Đầu tư và Du lịch Huế mua lại phần vốn của Tập đoàn Crowndate đã đầu tư vào Khách sạn Century, chưa được phân bổ vào chi phí trên Báo cáo tài chính hợp nhất*

11. Phải trả người bán

	31/12/2015		01/01/2015
Phải trả người bán ngắn hạn	3.205.422.633	*(i)*	4.229.010.905
	3.205.422.633		**4.229.010.905**
(i) bao gồm:			
Công ty CP cơ khí XD COXANO	*290.495.000*		
Công ty TNHH Thương mại Vận tải San Hiền	*264.590.000*		
Công Ty TNHH Giặt Là Bình Minh	*108.807.500*		
Doanh Nghiệp Tư Nhân Thành Mai	*134.790.632*		
Trần Thị Bé	*111.926.000*		
Trần Thị Hồng Lê	*137.538.500*		
Trương Thị Trà My	*178.939.300*		
Dương Thị Hà	*167.777.700*		
Đoàn Văn Tín	*127.209.000*		
Là Tuấn Anh	*126.938.000*		
Phải trả người bán ngắn hạn khác	*1.556.411.001*		
	3.205.422.633		

12. Người mua trả tiền trước

	31/12/2015		01/01/2015
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	639.635.264	*(i)*	563.323.114
	639.635.264		**563.323.114**
(i) bao gồm:			
Khách hàng đặt cọc tiệc cưới	*170.000.000*		
Công ty TNHH xi măng LUCKS	*100.000.000*		
Bệnh viện TW Huế	*80.000.000*		
Công ty CP DV du lịch và Thương mại TST	*12.300.000*		
Công ty ASIANA TRAVEL	*39.000.000*		
Tổng Cục đan số và kế hoạch hóa gia đình	*60.280.000*		
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	*178.055.264*		
	639.635.264		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2015	01/01/2015
Thuế giá trị gia tăng	540.679.392	699.232.382
Thuế thu nhập doanh nghiệp	395.078.755	554.878.468
Thuế thu nhập cá nhân	288.816.944	264.305.625
Thuế tiêu thu đặc biệt	6.333.568	520.280
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	11.353.863.818	8.755.384.518
Các loại thuế khác	1.957.074.438	2.320.549.570
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	139.561.664	139.561.664
	14.681.408.579	**12.734.432.507**

14. Phải trả, phải nộp khác

	31/12/2015		01/01/2015
Phải trả ngắn hạn khác	57.647.799.952	*(i)*	60.896.535.797
	57.647.799.952		**60.896.535.797**
(i) bao gồm:			
Kinh phí công đoàn	*107.287.200*		*103.142.600*
Bảo hiểm xã hội	*226.898.705*		*366.826.963*
Phải trả, phải nộp khác	*26.365.047*		*13.401.643*
Công ty Hương Giang	*229.249.000*		*229.249.000*
Công ty Xổ số chuyển tiền	*57.058.000.000*		*57.058.000.000*
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Huế			*2.000.000.000*
Thuế chuyển nhượng khách sạn Thuận Hóa			*812.230.500*
Thuế chuyển nhượng Thiên An			*313.685.091*
	57.647.799.952		**60.896.535.797**

15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Vay ngân hàng Nông nghiệp	7.668.996.000	3.174.054.553
	7.668.996.000	**3.174.054.553**

16. Vay dài hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Vay ngân hàng Nông nghiệp	14.325.000.000	10.921.126.954
	14.325.000.000	**10.921.126.954**

17. Vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Lãi/(Lỗ) tích lũy	Cộng
Số dư đầu năm trước	**43.651.026.102**			**(29.494.271.244)**	**14.156.754.858**
Lợi nhuận sau thuế năm trước				1.977.310.736	1.977.310.736
Trích lập các quỹ		464.625.000	219.125.551	(683.750.551)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi				(865.000.000)	(865.000.000)
Giảm khác				(251.213.410)	(251.213.410)
Số dư cuối năm trước	**43.651.026.102**	**464.625.000**	**219.125.551**	**(29.316.924.469)**	**15.017.852.184**
Số dư đầu năm nay	**43.651.026.102**	**464.625.000**	**219.125.551**	**(29.316.924.469)**	**15.017.852.184**
Lợi nhuận sau thuế năm nay				(466.398.297)	(466.398.297)
Trích lập các quỹ		1.478.687.000	2.413.920.021	(3.892.607.021)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi				(1.036.350.000)	(1.036.350.000)
Giảm khác				(183.639.470)	(183.639.470)
Số dư cuối năm nay	**43.651.026.102**	**1.943.312.000**	**2.633.045.572**	**(34.895.919.257)**	**13.331.464.417**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VIII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo Kết Quả HĐKD

18. Doanh thu hoạt động kinh doanh

	Năm 2015
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	53.284.312.551
	53.284.312.551

19. Giá vốn hàng bán

	Năm 2015
Giá vốn hàng bán, cung cấp dịch vụ	44.877.413.243
	44.877.413.243

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015
Lãi tiền gửi ngân hàng	114.607.120
	114.607.120

21. Chi phí tài chính

	Năm 2015
Chi phí lãi vay	1.726.303.314
	1.726.303.314

22. Thu nhập khác

	Năm 2015
Thu nhập chuyển nhượng vốn Cty TNHH Mondial Huế	3.266.484.000
Thu nhập thanh lý tài sản	19.222.167
Thu nhập truy lương	150.000.000
	3.435.706.167

23. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 chưa được kiểm toán bởi bất kỳ công ty kiểm toán độc lập nào, và đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất năm nay theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC.

24. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính 2015 không có giao dịch hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của công ty. Vì vậy Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở Công ty sẽ hoạt động liên tục.

IX. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được Tổng giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành.

Huế, Ngày 10 tháng 03 năm 2016

Kế toán trưởng	Kiểm soát viên	Tổng giám đốc
Lê Thị Thu Nguyệt	Đinh Ngọc Văn	Đinh Mạnh Thắng